

Số :230-03/23-1.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONORROAD VN****2/ Địa chỉ** : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ**3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023****4/ Loại mẫu** : Vi khí hậu, Tiếng ồn**5/ Phương pháp thực hiện:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
230-03/23-1.4K1.Khu vực xưởng sản xuất (X=1118456; Y=575664)	82	31,0	63,2	0,3
230-03/23-1.4K2.Khu vực hấp, nấu (X=1118475; Y=575674)	81	31,5	56,9	0,2
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 - 1,5

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
Ph.S. Thái Sanh Bảo Huy

Số :230-03/23-1.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONOROAD VN****2/ Địa chỉ** : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ**3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023****4/ Loại mẫu** : Chất lượng không khí**5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
6	NH ₃ *	TCVN 5293: 1995	TCVN 5293:1995	0,0067 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	H ₂ S (mg/m ³)	NH ₃ (mg/m ³)
230-03/23-1.4K1.Khu vực xưởng sản xuất (X=1118456; Y=575664)	0,75	3,42	0,086	0,069	1,75	3,22
230-03/23-1.4K2.Khu vực hấp, nấu (X=1118475; Y=575674)	0,51	2,69	0,061	0,044	2,57	4,71
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625	7,8125	13,28125

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sơn Bảo Huy

Số :230-03/23-1.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONORROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	NH ₃ *	JIS K0099:2004-IC	JIS K0099:2004-IC	0,23 mg/Nm ³
7	H ₂ S*	IS 11255 (P4):2006	IS 11255 (P4):2006	0,98 mg/Nm ³
8	HCl*	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0035 mg/Nm ³
9	Chì và các hợp chất theo chì (Pb)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,01 mg/Nm ³
10	Đồng và các hợp chất theo đồng (Cu)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,006 mg/Nm ³
11	Kẽm và các hợp chất theo kẽm (Zn)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,003 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (230-03/23-1.4L.Khí thải lò hơi sau xử lý) (X=1118400, Y=575719)	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	18.955	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1
2	Bụi (PM)*	mg/Nm ³	110	200
3	CO	mg/Nm ³	600	1000
4	NO _x	mg/Nm ³	15,9	850
5	SO ₂	mg/Nm ³	326,9	500
6	NH ₃	mg/Nm ³	KPH	50
7	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH	7,5
8	HCl	mg/Nm ³	KPH	50
9	Pb	mg/Nm ³	KPH	5
10	Cu	mg/Nm ³	KPH	10
11	Zn	mg/Nm ³	KPH	30

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)*

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KẾT GIẢM ĐỐC TRUNG TÂM
TƯ VẤN PHỤ GIẢM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

Số : 230-03/23-1.4 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONOROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : 230-03/23-1.4NT.Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 11-MT: 2015/ BTNMT (Cột B)	QCVN 40 : 2011/ BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
			NT1	NT2				
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải	-	-		-			TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,2°C)	-	8,22	7,63	2 + 12,5	5,5 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	300	65	5,0	100	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	3.136	87	2,0	150	150	SMEWW 3220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	376	38	1,0	50	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	426	12,6	1,56	60	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	18,6	4,3	0,017	20	6	TCVN 6202: 2008
7	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	42,6	10,8	0,3	20	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	308,2	5,7	0,011	20	10	TCVN 6179-1:1996
9	Clo dư*	mg/L	KPH	0,89	0,038	2	2	SMEWW 4500-Cl.G:2017
10	Coliform*	MPN/100mL	46.000	KPH	2	5.000	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

230-03/23-1.4NT1: Nước thải đầu vào (X=1118426; Y=575635)

230-03/23-1.4NT2: Nước thải đầu ra (X=1118887; Y=576421)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

Số :541-06/23-6.7/ KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONOROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Vận tốc gió*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,6÷40 m/s

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
541-06/23-6.7K1.Khu vực xưởng sản xuất (X=1118456; Y=575664)	79	31,7	70,3	0,2
541-06/23-6.7K2.Khu vực hấp, nấu (X=1118475; Y=575674)	78	31,7	70,1	0,2
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**
Quách Văn Duy
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số :541-06/23-6.7/ KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONORROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m ³
5	H ₂ S*	MASA 701	MASA 701	0,0047 mg/m ³
6	NH ₃ *	TCVN 5293: 1995	TCVN 5293:1995	0,0067 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	H ₂ S (mg/m ³)	NH ₃ (mg/m ³)
541-06/23-6.7K1.Khu vực xưởng sản xuất (X=1118456; Y=575664)	0,57	2,93	0,071	0,053	1,05	2,41
541-06/23-6.7K2.Khu vực hấp, nấu (X=1118475; Y=575674)	0,41	2,46	0,050	0,049	1,82	3,01
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	6,25	15,625	3,90625	3,90625	7,8125	13,28125

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

(a)Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÒNG GIÁM ĐỐC**


ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 541-06/23-6.7/ KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONOROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	NH ₃ *	JIS K0099:2004-IC	JIS K0099:2004-IC	0,23 mg/Nm ³
7	H ₂ S*	IS 11255 (P4):2006	IS 11255 (P4):2006	0,98 mg/Nm ³
8	HCl*	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0035 mg/Nm ³
9	Chì và các hợp chất theo chì (Pb)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,01 mg/Nm ³
10	Đồng và các hợp chất theo đồng (Cu)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,006 mg/Nm ³
11	Kẽm và các hợp chất theo kẽm (Zn)*	US EPA Method 29	US EPA Method 29	0,003 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (541-06/23-6.7L. Khí thải lò hơi sau xử lý) (X=1118400, Y=575719)	QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	17.511	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1
2	Bụi (PM)*	mg/Nm ³	101	200
3	CO	mg/Nm ³	512,4	1000
4	NO _x	mg/Nm ³	21,6	850
5	SO ₂	mg/Nm ³	285,6	500
6	NH ₃	mg/Nm ³	KPH	50
7	H ₂ S	mg/Nm ³	KPH	7,5
8	HCl	mg/Nm ³	KPH	50
9	Pb	mg/Nm ³	KPH	5
10	Cu	mg/Nm ³	KPH	10
11	Zn	mg/Nm ³	KPH	30

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH
THS. Thái Sơn Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số :541-06/23-6.7/ KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN PHỤ PHẨM THỦY SẢN HONOROAD VN

2/ Địa chỉ : Lô 2.19A5, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 08/06/2023

4/ Loại mẫu : 541-06/23-6.7NT.Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 11-MT: 2015/ BTNMT (Cột B)	QCVN 40 : 2011/ BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
			NT1	NT2				
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,4°C)	-	7,92	7,54	2 +12,5	5,5 - 9	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	169	43	5,0	100	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	3.653	70	2,0	150	150	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	1.548	31	1,0	50	50	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	382	15,3	1,56	60	40	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	24,1	2,15	0,017	20	6	TCVN 6202: 2008
7	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	32,6	8,5	0,3	20	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	333,2	7,01	0,011	20	10	TCVN 6179-1:1996
9	Clo dư*	mg/L	KPH	0,45	0,038	2	2	SMEWW 4500-Cl.G:2017
10	Coliform*	MPN/100mL	79.000	KPH	2	5.000	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

541-06/23-6.7NT1: Nước thải đầu vào (X=1118426; Y=575635)

541-06/23-6.7NT2: Nước thải đầu ra (X=1118887; Y=576421)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH**
ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy